TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109 /2018/DS-ST
Ngày: 20 -12-2018
V/v tranh chấp: "hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Chiếu

2. Ông Phạm Hữu Toại

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán sản" theo Qu yết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1/ Lê Văn H, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)
2/ Phạm Thị P, sinh năm 1966 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện B, tỉnh E.

Ông Lê Văn H ủy quyền cho bà Phạm Thị P tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền để ngày 02/06/2018

2. Bị đơn: Nguyễn Đoàn Đăng K, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, Xã V, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 03 năm 2018, tờ tường trình ngày 01/9/2018, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/09/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị P cũng là người nhận ủy quyền của ông Lê văn H trình bày:

Vào ngày 10/9/2015 vợ chồng bà có bán vật liệu xây dựng cho ông Nguyễn Xuân Hạnh là nhân viên công ty CP CT Viettel để xây dựng ăng-ten tại ấp Ông Thung, xã N, huyện C, tỉnh B với tổng số tiền là 35.000.000 đồng. Nhưng thực tế quá trình mua bán bà chỉ giao dịch với ông Nguyễn Đoàn Đăng K là đai diện theo pháp luật Công Ty nhận thầu xây xựng là Công ty cổ phần xây dựng thương mại và Vận tải Hữu Đức bà không biết ông Hạnh. Đến thời điển thanh toán nợ cho ông, bà thì giữa ông Hạnh, ông K và bà có thỏa thuận chuyển giao khoản nợ 35.000.000 đồng sang cho cá nhân ông K phải trả nợ theo giấy cam kết ngày 22/07/2016 tại công an xã N, huyện M và được ông K đồng ý ký tên vào giấy cam kết. Sau cam kết ông K có thế chấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và bằng tốt nghiệp đại học cho ông, bà làm tin. Cho đến nay ông K vẫn không trả nợ cho ông, bà. Vì vậy, Ông H, bà P yêu cầu ông K phải trả lại 35.000.000 đồng theo giấy cam kết ngày 22/07/2016, không yêu cầu tính lãi suất.

* Đối với bị đơn Nguyễn Đoàn Đăng K vắng mặt trong suốt quà trình giải quyết vụ án nên tòa án không thu thập được lời khai.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng là phi phạm nghĩa vụ theo khoản 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự . Đối với vi phạm của Thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu cùa ông Lê văn H, bà Phạm Thị P, buộc anh Nguyễn Đoàn Đăng K phải hoàn trả cho ông Lê văn H, bà Phạm Thị P số tiền là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), ghi nhận ông H, bà P tự nguyện không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Hợp đồng mua bán tài sản" theo Điều 428 Bộ luật dân sự 2005, bởi lẻ bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H căn cứ vào giấy cam kết ngày 22/07/2016 để khởi kiện ông Nguyễn Đoàn Đăng K trả lại số tiền bán vậy liệu xây dựng là 35.000.000đồng. Xét thấy giấy cam kết ngày 22/07/2016 có nội dung thể hiện các bên thỏa thuận việc ông K có mua lật liệu xâu dựng tại cửa hàng Sáu xiếu và còn nợ lại 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà P khẳng định chỉ mua bán với ông K không có mua bán vối ông Hạnh. Do vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông H, bà P có quyền yêu cầu ông K trả lại 35.000.000đồng là phù hợp.

Do giấy cam kết ngày 22/07/2016 được xác lập từ năm 2016, nên sẽ áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy cam kết ngày 22/7/2016 của Công an xã N, huyện C, tỉnh E thì địa chỉ ông K ghi trong giấy ấp 4, xã V, huyện B, tỉnh E. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Bị đơn ông Nguyễn Đoàn Đăng K được Toà án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H yêu cầu ông Nguyễn H Đăng K phải trả lại cho ông số tiền 35.000.000đ (Ba lăm triệu đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H khởi kiện căn cứ vào giấy cam kết ngày 22/7/2016 để yêu cầu ông Nguyễn Đoàn Đăng K trả lại cho ông số tiền 35.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo các chứng cứ nêu trên cho bị đơn Nguyễn Đoàn Đăng K nhận nhưng ông K không có ý kiến gì cũng không tham gia tố tụng điều đó chứng tỏ Nguyễn Đoàn Đăng K đã từ bỏ quyền bác bỏ yêu cầu của người khác đối với mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời Nguyễn Đoàn Đăng K không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà ông H, bà P đưa ra nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo giấy cam kết ngày 22/7/2016 và biên bản xác minh tại công an xã Thạnh Nghãi thì giữa bà P, ông Hạnh, ông K đến trụ sở công an xã Thạnh Nghãi để xác lập giấy cam kết, các bên ký tên tại trụ sở công an xã. Điều đó chứng tỏ giữa ông K và bà P, ông H có xác lập quan hệ mua bán với nhau, Pa bà P, ông H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán nhưng ông K không thực hiện đúng nghĩa vũ của bên mua và còn nợ lại 35.000.000 đồng. Ông K vi phạm nghĩa trả nợ theo Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 nên yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Ghi nhận bà P, ông H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án :

Ông Nguyễn Đoàn Đăng K phải chịu án phí có giá ngạch là 1.750.000đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 72, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H đối với ông Nguyễn Đoàn Đăng K về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc anh Nguyễn Đoàn Đăng K phải hoàn trả cho bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Ghi nhận bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ngày bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Đoàn Đăng K chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án P dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Đoàn Đăng K phải chịu là 1.750.000đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H số tiền tạm ứng án P đã nộp là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án P số 0015051 ngày 09 tháng 05 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Phạm Thị P, ông Lê Văn H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Đoàn Đăng K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh E;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện B;
-Chi cục THA dân sự huyện B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Hương